ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 440 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hoá giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 5930/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 về ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hoá giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chương trình); số 2409/QĐ-BNNMT ngày 26/6/2026 về ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Quyết định số 5930/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hoá giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý bền vững tài nguyên rừng, đất đai và nguồn nước; từng bước ổn định, nâng cao đời sống và thu nhập của người dân; góp phần xóa đói, giảm nghèo, thực hiện bền vững công tác định canh, định cư; gắn kết chặt chẽ mục tiêu phòng, chống sa mạc hóa với các chiến lược quốc gia, chiến lược phát triển của ngành và địa phương, đồng thời góp phần thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và các cam kết quốc tế của Việt Nam theo Công ước chống sa mạc hóa của Liên hợp quốc.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Chương trình phải bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Xác định rõ nội dung công việc, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường phối hợp liên ngành; lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tránh hình thức, chồng chéo, trùng lặp; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và sự tham gia của cộng đồng trong tổ chức thực hiện.

- Các nhiệm vụ, giải pháp được lựa chọn, thực hiện phù hợp với điều kiện lập địa, khí hậu, thổ nhưỡng, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng, nguồn nước và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh. Việc xây dựng, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình phục hồi đất, phục hồi rừng, sản xuất nông nghiệp và nông lâm kết hợp phải căn cứ kết quả khảo sát, đánh giá và không áp dụng đại trà khi chưa đủ

cơ sở khoa học, thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; chủ động thực hiện công tác phòng, chống sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh và của quốc gia, đồng thời khẳng định cam kết của Việt Nam trong thực hiện Công ước chống sa mạc hóa của Liên hợp quốc và các điều ước, cam kết quốc tế có liên quan.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2030:

- Khoanh vùng, xác định và định vị các khu vực đất bị thoái hoá và có nguy cơ sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh theo mức độ và nguyên nhân; tăng mật độ các trạm khí tượng thủy văn phục vụ công tác theo dõi, giám sát và dự báo, cảnh báo sớm.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch quản lý, phục hồi các khu vực bị sa mạc hóa theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu tác động của khô hạn, thoái hóa đất thông qua sử dụng bền vững tài nguyên đất.

- Duy trì diện tích đất trồng lúa không thấp hơn 40.441 ha theo Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn; sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước.

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 65%, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp để giảm thiểu lượng bốc hơi tiềm năng vào mùa khô.

b) Mục tiêu đến năm 2050:

- Góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về kiểm soát diện tích đất bị thoái hóa, trong đó phấn đấu hạn chế diện tích đất thoái hóa nặng - có nguy cơ sa mạc hóa cao; từng bước phục hồi đất thoái hóa nhẹ, trung bình và ngăn ngừa phát sinh, gia tăng đất thoái hóa nặng.

- Phấn đấu nâng cao mức thu nhập bình quân của người dân sống tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sa mạc hoá không thấp hơn 50% mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách và lồng ghép quy hoạch, kế hoạch

Rà soát các cơ chế, chính sách, quy hoạch, chương trình, dự án có liên quan đến quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, bảo vệ đất, phục hồi đất bị thoái hóa và phòng chống sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh; đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc lồng ghép các nội dung cần thiết vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương.

2. Khoanh vùng, xác định và định vị các khu vực đất bị sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh theo mức độ và nguyên nhân phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và theo dõi, giám sát

- Tổ chức điều tra, đánh giá, khoanh vùng các khu vực đất bị sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia cập nhật, tích hợp dữ liệu của địa phương, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu các khu vực đất bị sa mạc hóa theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; từng bước ứng dụng công nghệ số, viễn thám, GIS trong theo dõi, giám sát diễn biến thoái hóa đất tại địa phương.

- Phối hợp, theo dõi các liên quan đến sự khô hạn và thoái hóa đất; cung cấp số liệu phục vụ hệ thống theo dõi, đánh giá và báo cáo của Trung ương.

- Quy hoạch sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.

3. Tăng cường phòng, chống sa mạc hoá thông qua tuyên truyền, nghiên cứu, đào tạo và tập huấn

- Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phòng, chống sa mạc hóa.

- Xây dựng các sản phẩm truyền thông; đẩy mạnh công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền về phòng, chống sa mạc hóa, sử dụng đất bền vững; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực chuyên môn về nhận biết, điều tra đánh giá và xác định các khu vực bị sa mạc hoá; tăng cường năng lực về khai thác thông tin, dữ liệu từ hệ thống dự báo, cảnh báo sa mạc hoá; tăng cường năng lực về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất phát thải thấp, sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để giảm thiểu và thích ứng với sa mạc hoá; ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong quản lý, bảo vệ, điều tra, giám sát, kiểm kê tài nguyên rừng, tài nguyên đất đai, tài nguyên nước; về biện pháp kỹ thuật cải tạo, phục hồi đất bị thoái hóa do các nguyên nhân khác nhau.

4. Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm tại các khu vực đất bị thoái hoá

- Xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống trạm quan trắc chỉ tiêu lượng mưa và lượng bốc hơi tiềm năng phục vụ dự báo và cảnh báo sớm khô hạn tại các khu vực đất bị thoái hoá.

- Xây dựng, nâng cấp, tu sửa trang bị thiết bị hiện đại cho các trạm khí tượng thuỷ văn phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm hạn hán, ngập úng, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác.

- Xây dựng, nâng cấp, tu sửa hệ thống hồ chứa nước đa mục tiêu đảm bảo tưới tiêu nước; hệ thống đê bao, cửa cống, kênh rạch phòng, chống thiếu nước.

5. Tăng cường công tác điều tra, theo dõi các nguyên nhân sa mạc hoá và giải pháp phục hồi, cải tạo, ngăn ngừa

- Tổ chức rà soát, điều tra, xác định các nguyên nhân sa mạc hoá, đánh giá

tác động, rủi ro và giải pháp phòng, chống. Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS, ảnh vệ tinh và trí tuệ nhân tạo trong điều tra, giám sát diễn biến thoái hóa đất.

- Điều tra, phân chia điều kiện lập địa theo mức độ thích hợp cho các loài cây nông nghiệp và lâm nghiệp thích ứng với điều kiện khô hạn và thoái hoá đất.

- Tổng hợp thông tin về khí tượng thủy văn từ đó đưa ra cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, hạn hán tại các khu vực sa mạc hóa.

6. Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hoá thông qua các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp thông minh

- Xây dựng, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp hữu cơ, áp dụng giải pháp khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi số, liên kết chuỗi sản xuất nông nghiệp, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp.

- Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái. Áp dụng các biện pháp canh tác thông minh, bền vững trên đất dốc, nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ (mắc ca, tre, nứa,…); phát triển kinh tế dưới tán rừng, lâm nghiệp cộng đồng; tập trung phát triển cây trồng có lợi thế như cây ăn quả, lúa đặc sản, rau, hoa, ngô, sắn.

7. Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn

- Đẩy mạnh phục hồi rừng tự nhiên, phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng hỗn giao nhiều tầng tán, tăng diện tích rừng được quản lý bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao khả năng giữ nước, chống xói mòn và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên các giải pháp hạn chế và phục hồi đất bị xói mòn, rửa trôi và cải thiện độ phì nhiêu của đất như: trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc; tập trung bảo vệ, phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng, nâng cấp sửa chữa các hồ đập chứa đê bảo vệ và điều tiết nguồn nước.

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững đất lâm nghiệp đồi núi trống, hoang hóa, đất dốc, chống xói mòn và nâng cao độ phì đất, ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tổng hợp.

- Trồng rừng trên khu vực khô hạn, thoái hóa đất áp dụng các công nghệ tiên tiến, tiến bộ kỹ thuật, giống mới tăng hiệu quả phục hồi đất và hiệu quả phòng hộ.

- Nhân rộng diện tích sử dụng đất áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và tăng hấp thụ các-bon trong lâm nghiệp tạo lợi ích "kép" trong tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng và hiệu quả phục hồi đất ở các khu vực sa mạc hóa.

8. Ổn định đời sống cho người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng

- Ổn định đời sống cho người dân, cải thiện các điều kiện về y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sa mạc hóa; giải quyết cấp nước

sinh hoạt tại các vùng khô hạn, hoang mạc hóa.

- Lồng ghép các nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa với các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với điều kiện đất đai và biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, hợp tác xã và cộng đồng trong phát triển sinh kế gắn với bảo vệ tài nguyên đất và rừng.

9. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống sa mạc hóa

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong việc trao đổi thông tin, tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về công tác phòng, chống, khắc phục sa mạc hoá từ quốc tế (công nghệ giám sát, cảnh báo sớm bão cát, đánh giá tình trạng đất đai...).

(Phân công nhiệm vụ chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, trong đó bao gồm ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương (nếu có); ưu tiên lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia các chương trình, dự án, đề án và nhiệm vụ chi đã được bố trí kinh phí, hạn chế phát sinh nhiệm vụ chi mới, trùng lặp về nội dung và đối tượng thực hiện, đồng thời huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động rà soát, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch, trong đó dự kiến nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn lồng ghép và đề xuất nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương (nếu có), làm cơ sở cân đối trong kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trực thuộc Bộ, các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác có liên quan triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến Chương trình trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ khi cần thiết, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và dự toán chi tiết của các cơ quan, đơn vị, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, đặt hàng, phê duyệt và triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền, phục vụ công tác phòng, chống sa mạc hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ trong cải tạo, phục hồi, nâng cao chất lượng đất; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước; phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần hạn chế thoái hóa đất và suy giảm tài nguyên đất.

4. Các Sở, Ban, ngành khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực quản lý. Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; Lồng ghép nội dung phòng, chống sa mạc hóa, sử dụng đất bền vững vào các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực do cơ quan mình quản lý.

5. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Lạng Sơn

Xây dựng các phóng sự, tin, bài để tuyên truyền, phổ biến tuyên truyền nhân rộng những mô hình hiệu quả trong việc thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hoá giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, khu vực ưu tiên phòng ngừa và phục hồi đất bị thoái hóa.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các biện pháp sử dụng đất bền vững, bảo vệ rừng và môi trường.

- Chủ động lồng ghép các nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7. Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, ngành và địa phương tham gia các mô hình chống sa mạc hoá; Thông tin, tuyên truyền, phổ biến Chương trình, Kế hoạch này và các quy định liên quan đến các tổ chức, đơn vị thành viên áp dụng các biện

pháp canh tác nông, lâm nghiệp thông minh; Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái.

8. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống sa mạc hóa, bảo vệ tài nguyên đất và rừng. Tham gia giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững của Chương trình.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường; Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hằng năm **trước ngày 25 tháng 11** và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo của UBND tỉnh theo quy định.

UBND tỉnh yêu cầu, đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Đài Khí tượng thủy văn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP UBND tỉnh; các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HĐN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn